

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH  
TRƯỜNG THPT LÊ CHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 242/QĐ-THPT LC

Đông Triều, ngày 10 tháng 12 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán bổ sung nguồn CCTL, Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP trường THPT Lê Chân

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017; Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 1668/QĐ-SGDĐT ngày 04/12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao bổ sung dự toán nguồn CCTL và chế độ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP năm 2024 cho các trường THPT trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của bộ phận Kế toán.

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán thu chi ngân sách (bổ sung) năm 2024 của trường THPT Lê Chân.

(Biểu chi tiết kèm theo Quyết định)

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký

**Điều 3.** Bộ phận kế toán, Văn phòng, các Tổ chuyên môn và các cá nhân có liên quan khác tổ chức thực hiện Quyết định này

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT

HIỆU TRƯỞNG



Ngô Thị Liêm

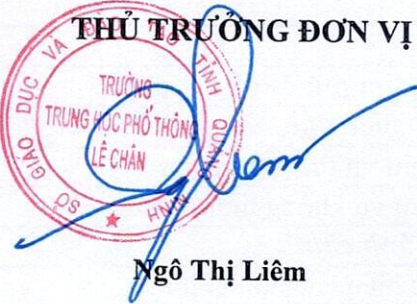
**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**  
 (Kèm theo Quyết định số: 242/QĐ-THPTLC ngày 10/12/2024 của trường THPT Lê Chân)  
 (Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

| Số TT      | Nội dung                                           | Dự toán được giao    |
|------------|----------------------------------------------------|----------------------|
| 1          | 2                                                  | 3                    |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> | <b>-</b>             |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                          | <b>-</b>             |
| 1          | Lệ phí                                             |                      |
|            | Lệ phí                                             |                      |
|            | Lệ phí...                                          |                      |
| 2          | Phí                                                |                      |
|            | Phí ...                                            |                      |
|            | Phí ...                                            |                      |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>            | <b>-</b>             |
| <b>1</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b> | <b>-</b>             |
| a          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |                      |
| b          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                      |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                      |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                      |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                      |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>       |                      |
| <b>1</b>   | <b>Lệ phí</b>                                      |                      |
|            | Lệ phí...                                          |                      |
|            | Lệ phí...                                          |                      |
| <b>2</b>   | <b>Phí</b>                                         |                      |
|            | Phí ...                                            |                      |
|            | Phí ...                                            |                      |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>              | <b>1.471.000.000</b> |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                  | <b>1.471.000.000</b> |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                      |
| 1.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                      |
| 1.2        | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                      |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>         |                      |
| 2.1        | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ     |                      |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia         |                      |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ               |                      |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở            |                      |
| 2.2        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng      |                      |
| 2.3        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                      |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b> | <b>1.471.000.000</b> |
| 3.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     | 1.183.000.000        |
| 3.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               | 288.000.000          |
| <b>4</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>      |                      |
| 4.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |                      |
| 4.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                      |
| <b>5</b>   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                          |                      |
| 5.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |                      |
| 5.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                      |

|      |                                                         |  |
|------|---------------------------------------------------------|--|
| 6    | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |  |
| 6.1  | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |  |
| 6.2  | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |  |
| 7    | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |  |
| 7.1  | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |  |
| 7.2  | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |  |
| 8    | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |  |
| 8.1  | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |  |
| 8.2  | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |  |
| 9    | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |  |
| 9.1  | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |  |
| 9.2  | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |  |
| 10   | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |  |
| 10.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |  |
| 10.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |  |

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



Ngô Thị Liêm